

## XÂY DỰNG CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KĨ NĂNG KẾT BẠN CHO THIẾU NIÊN RỐI LOẠN PHỔ TỰ KỈ

Nguyễn Hoài Thương, Đỗ Thị Thảo và Lê Thị Hiền  
*Khoa Giáo dục Đặc biệt, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**Tóm tắt.** Trẻ rối loạn phổ tự kỉ đặc trưng bởi các khiếm khuyết về giao tiếp, tương tác xã hội và có hành vi lặp khuôn định hình. Điều này đã ảnh hưởng nhiều đến khả năng thiết lập các mối quan hệ xã hội, trong đó có kĩ năng kết bạn duy trì tình bạn và hòa nhập xã hội. Bài báo công bố kết quả xây dựng và thực nghiệm 08 hoạt động (Cùng chào hỏi nhau; Sử dụng kịch bản đóng vai chào hỏi; Cùng kết bạn mới; Kết bạn thông qua tình huống thực tế; Trò chơi “Siêu bất ngờ”; Tiếp sức; Nhận biết các tình huống cần giúp đỡ; Giúp đỡ mọi người xung quanh). Khách thể thực nghiệm trên năm thiếu niên được chẩn đoán rối loạn phổ tự kỉ (01 mức độ trung bình, 03 mức độ nhẹ và 01 mức độ chức năng cao) tiến hành thực nghiệm trong 80 giờ cá nhân và 144 giờ nhóm. Kết quả thực nghiệm cho thấy những cải thiện điểm trung bình mức độ thực hiện kĩ năng của các trường hợp tăng từ  $M = 1,5$  lên  $M = 2,87$ . Tính khả thi và tính hiệu quả của các hoạt động giáo dục có tương quan chặt chẽ với nhau, với hệ số tương quan  $R_s = 0,953$ . Kết quả này khẳng định các hoạt động giáo dục được xây dựng có tính thực tiễn, khả năng ứng dụng phù hợp trong các cơ sở giáo dục và mang lại những hiệu quả tích cực trong giáo dục kĩ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỉ.

**Từ khóa:** thiếu niên rối loạn phổ tự kỉ, xây dựng hoạt động, kĩ năng kết bạn.

### 1. Mở đầu

Kĩ năng xã hội ảnh hưởng tới mọi khía cạnh trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Trẻ em nói chung, thanh thiếu niên nói riêng sử dụng kĩ năng xã hội trong môi trường gia đình, trường học, lúc vui chơi và với mọi người xung quanh nhưng đây là một khó khăn lớn đối với thiếu niên rối loạn phổ tự kỉ (RLPTK) (Myles, 2003) [1]. Thiếu hụt về kĩ năng xã hội là một trong những đặc trưng của trẻ RLPTK (Bellini, và cs., 2007; Kasari, và cs., 2012; White, và cs., 2007) [2-5]. Việc thiếu hụt kĩ năng xã hội cho thấy thanh thiếu niên RLPTK biểu hiện mức độ lo lắng cao hơn và đáng kể hơn so với các thanh thiếu niên bình thường (Bellini, 2004; Macintosh & Dissanayake, 2006) [6, 7] do vậy cần xây dựng một mô hình phát triển để xác định các yếu tố hoặc khuynh hướng tiềm ẩn nhằm khắc phục chứng lo âu này của các em (Bellini, 2006). Một số tác giả đã nghiên cứu về việc sử dụng chương trình Giáo dục và Bồi dưỡng kĩ năng quan hệ (Program for the Education and Enrichment of Relational Skills (PEERS®)) nhằm hướng dẫn các kĩ năng xã hội để giảm thiểu chứng lo âu ở thanh thiếu niên RLPTK. Kết quả chỉ ra rằng các trẻ tham gia PEERS đã bước đầu có thể kiểm soát được sự lo âu và tăng cường kĩ năng xã hội hơn (Laugeson và cộng sự, 2014; Mandelberg và cộng sự, 2014; Schohl và cộng sự, 2014) [8-10]. Khó khăn về kĩ năng xã hội đã ảnh hưởng nhiều đến KNKB ở thanh thiếu niên

---

Ngày nhận bài: 19/7/2021. Ngày sửa bài: 18/8/2021. Ngày nhận đăng: 25/8/2021.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Hoài Thương. Địa chỉ e-mail: [hoaituong.hnue0803@gmail.com](mailto:hoaituong.hnue0803@gmail.com)

RLPTK (Shattuck và cộng sự, 2004) [11], trẻ có thể có thể bị bạn bè từ chối, cô lập hoặc bắt nạt (Elizabeth và cộng sự, 2009) [12]. Dù thanh thiếu niên muốn có bạn nhưng dường như các em không biết làm thế nào tương tác với người khác. Kết bạn là một phần quan trọng trong cuộc sống của mỗi trẻ em nhưng điều này có thể khó khăn hơn đối với mỗi thiếu niên RLPTK (Myles, 2003) [1]. Do vậy, thiếu niên cần được tạo cơ hội để gặp gỡ bạn đồng trang lứa, hướng dẫn và rèn luyện kỹ năng tương tác, thiết lập và duy trì mối quan hệ với bạn bè (Do Thi Thao và cộng sự, 2021) [13]. Tác giả Susan Williams White đã đưa ra nhiều ví dụ điển hình minh họa các khó khăn xã hội thường gặp ở trẻ tự kỷ chức năng cao: tác động nhiều đến các mối quan hệ bạn bè trong trường học và ảnh hưởng nhiều đến kết quả học tập của các em. Đồng thời, nghiên cứu cũng khẳng định tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng xã hội đối với quá trình giao tiếp, tương tác của trẻ. Vì vậy, nghiên cứu đi sâu vào các vấn đề cơ bản của việc giảng dạy và củng cố các kỹ năng cốt lõi trong bối cảnh lớp học, nhóm nhỏ, cá nhân, đồng thời nhấn mạnh cách điều chỉnh các biện pháp can thiệp phù hợp với nhu cầu mỗi trẻ (Susan Williams White, 2011) [14]. Bên cạnh đó, năm 2019 Sosnowy, C., Silverman đã chỉ ra những thuận lợi và khó khăn của thiếu niên RLPTK trong việc kết bạn, từ đó gợi ý một số biện pháp, chiến lược nhằm phát triển KNKB và tương tác xã hội với mọi người [15]. Năm 2004, Kern P. đưa ra những phát hiện quan trọng trong việc sử dụng âm nhạc nhằm thúc đẩy khả năng tương tác, kết bạn ở thiếu niên RLPTK. Nghiên cứu này cũng khẳng định tầm quan trọng to lớn của việc sử dụng âm nhạc thúc đẩy những cảm xúc tích cực, chủ động của các em [16]. Tác giả Do Thi Thao (2016) đã xây dựng quy trình xây dựng video làm mẫu nhằm giúp trẻ hình thành những kỹ năng cơ bản, thiết lập các mối quan hệ xã hội với mọi người [17]. Đối với các thiếu niên RLPTK, việc trang bị cho các em kỹ năng kết bạn đóng vai trò vô cùng quan trọng trong giao tiếp, tương tác, thiết lập các mối quan hệ, việc giáo dục kỹ năng kết bạn trở thành vấn đề cấp thiết trong quá trình giáo dục các em (Nguyễn Hoài Thương, và cs., 2021) [18]. Như vậy, các nghiên cứu trên đã khẳng định tầm quan trọng của kỹ năng xã hội, trong đó có kỹ năng kết bạn đối với sự phát triển của thiếu niên RLPTK. Năm 2021, nhóm nghiên cứu đã công bố kết quả về thực trạng khó khăn về thực hiện kỹ năng kết bạn ở thiếu niên RLPTK đó là: khó khăn ở các kỹ năng làm quen với bạn mới, tham gia vào các hoạt động của nhóm, giúp đỡ những người bạn xung quanh. Trên cơ sở đó rút ra bài học kinh nghiệm nhằm cải thiện kỹ năng kết bạn ở các thiếu niên. Trong bài báo này, nhóm nghiên cứu công bố kết quả xây dựng và thực nghiệm các hoạt động giáo dục KNKB cho nhóm 05 thiếu niên RLPTK.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

#### 2.1.1. Tổ chức nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện theo 4 giai đoạn như sau: (1) Tiến hành đánh giá mức độ thực hiện KNKB của thiếu niên RLPTK; (2) Tiến hành xây dựng các hoạt động giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK; (3) Tiến hành khảo nghiệm về tính cấp thiết và tính khả thi của các hoạt động giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK; (4) Tổ chức thực nghiệm giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK và phân tích kết quả sau thực nghiệm.

#### 2.1.2 Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi. Chúng tôi tiến hành khảo sát 125 GV dạy thiếu niên RLPTK tại các cơ sở giáo dục và 101 CM nhằm khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của 08 hoạt động giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK. Đồng thời, kiểm tra trực tiếp và phỏng vấn KNKB của 05 thiếu niên RLPRK.

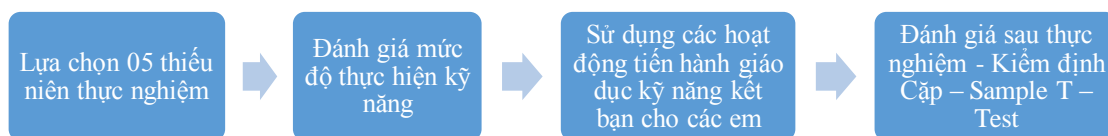
- Nội dung thực nghiệm: Thực nghiệm trên 4 kỹ năng của nhóm kỹ năng kết bạn: (1) Chủ động đưa ra lời chào, (2) Làm quen bạn mới, (3) Tham gia vào hoạt động của nhóm, (4) Giúp đỡ

những người xung quanh. Trên cơ sở 4 kỹ năng nêu trên, thực nghiệm với 8 hoạt động cụ thể được xây dựng; đánh giá của giáo viên và cha mẹ về mức độ thực hiện kỹ năng của thiếu niên sau thời gian thực nghiệm.

- Thời gian thực nghiệm: 96 buổi nhóm (mỗi buổi 90 phút); 96 buổi cá nhân (mỗi buổi 60 phút); các giáo viên sẽ tiến hành quan sát biểu hiện và mức độ thực hiện kỹ năng của thiếu niên kết hợp với kết quả quan sát, đánh giá của cha mẹ trong thời gian ở nhà và cộng đồng trong vòng 6 tháng (từ tháng 10/ 2020 đến tháng 4/2021).

- Tiêu chí đánh giá mức độ thực hiện kỹ năng kết bạn của thiếu niên được thiết kế trên 4 nhóm với số điểm lần lượt là: Vận dụng linh hoạt vào các tình huống (3 điểm); Thực hiện được trong tình huống cụ thể (2 điểm); Hiểu được kiến thức, kỹ năng (1 điểm). Phiếu đánh giá tính cần thiết và hiệu quả của các hoạt động được đánh giá dựa trên các mức độ: Rất cần thiết/ hiệu quả (3 điểm); Cần thiết/ Hiệu quả (2 điểm); Không cần thiết/không hiệu quả (1 điểm). Phiếu phỏng vấn dành cho thiếu niên câu hỏi dưới dạng: Có/ Không; Đồng ý/ Không đồng ý và câu trả lời ngắn.

- Cách thức tiến hành thực nghiệm:



**Bảng 1. Thang điểm đánh giá mức độ thực hiện kỹ năng kết bạn của thiếu niên rối loạn phổ tự kỉ**

Mức độ thực hiện kỹ năng	Kí hiệu	Điểm số
Vận dụng linh hoạt vào các tình huống	+	3
Thực hiện được trong tình huống cụ thể	+/-	2
Hiểu được kiến thức, kỹ năng	-	1

- Nội dung đánh giá: Đánh giá KNKB của thiếu niên RLPTK trước thực nghiệm.

- Phương pháp đánh giá: (1) Sử dụng thang đo đã được thiết kế nhằm đánh giá mức độ thực hiện KNKB ở từng lĩnh vực, nội dung cụ thể; (2) Thu thập các thông tin từ CM, GV nhằm tìm hiểu về khả năng, nhu cầu và những sở thích đặc biệt của các thiếu niên RLPTK; (3) Quan sát: giờ nhóm, giờ cá nhân và các hoạt động sinh hoạt của thiếu niên ở trường và ở nhà.

- Đánh giá sau thực nghiệm: Tổng hợp kết quả thiếu niên đạt được sau 6 tháng thông qua kế hoạch giáo dục cá nhân; Thu thập thông tin từ GV và CM thiếu niên RLPTK; Đánh giá thông qua thang đo và tổng hợp kết quả đạt được; Kiểm định Cặp - Sample T - Test nhằm tìm ra sự khác biệt trong các kỹ năng của thiếu niên trước thực nghiệm (TTN) và sau thực nghiệm (STN) bằng cách sử dụng phần mềm SPSS.

- Các hoạt động giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK: Nhằm đảm bảo xây dựng các hoạt động giáo dục kỹ năng kết bạn một cách hiệu quả, thiết thực và phù hợp với thiếu niên RLPTK, khi xây dựng các hoạt động giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK cần dựa trên những nguyên tắc sau: (1) Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích: đóng vai trò định hướng trong quá trình lựa chọn hoạt động phù hợp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục (Afsharnejad và cs.,2021) [19]; (2) Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa, toàn diện hoạt động: cần phát huy sự hợp tác đồng bộ, phối hợp chặt chẽ của các lực lượng giáo dục, phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế để đạt hiệu quả cao (Bambara, 2018) [20]; (3) Nguyên tắc đảm bảo tính phù hợp cần xây dựng các hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm của mỗi cá nhân để đảm bảo quá trình giáo dục

diễn ra hiệu quả và mang lại ảnh hưởng tích cực nhất (Boutot, 2007) [21]; (4) Nguyên tắc đảm bảo phát huy tính tích cực, làm chủ: góp phần phát huy sự tự tin, độc lập, tích cực, làm chủ của các em để đạt các hiệu quả giáo dục (Cappadocia, 2011) [22]. Trong bài báo này, chúng tôi công bố về kết quả xây dựng và thực nghiệm các hoạt động giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên RLPTK, giúp các em giảm thiểu lúng túng khi gặp bạn mới, biết cách duy trì tình bạn và làm việc nhóm với nhau.

### 2.1.3. Thông tin về khách thể tham gia thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành trên nhóm 05 thiếu niên RLPTK từ 13 tuổi đến 15 tuổi đang theo học buổi sáng tại các trường hòa nhập trên địa bàn Hà Nội và theo học lớp kỹ năng xã hội vào buổi chiều tại trường chuyên biệt Ánh Sao. Nhóm thực nghiệm gồm 5 thiếu niên RLPTK theo các mức độ khác nhau. Trẻ được chẩn đoán bằng thang CARS nhằm xác định mức độ tật trước khi tiến hành thực nghiệm.

**Bảng 2. Thông tin 05 trẻ tham gia thực nghiệm**

Trường hợp	Họ và tên	Ngày sinh	Tuổi	Mức độ rối loạn phổ tự kỉ
Trường hợp 1	N.Q.H	24/05/2007	14 tuổi	Trung bình
Trường hợp 2	N.Q.T	02/04/2009	15 tuổi	Nhẹ
Trường hợp 3	K.Q.H	07/08/2006	15 tuổi	Chức năng cao
Trường hợp 4	N.T.N	03/05/2008	13 tuổi	Nhẹ
Trường hợp 5	L.V.D	17/11/2007	14 tuổi	Nhẹ

Như vậy, qua bảng kết quả đánh giá mức độ thực hiện KNKB của thiếu niên RLPTK ta thấy rằng cả 5 trường hợp đều gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện: chưa chủ động đưa ra lời chào hỏi với các bạn, khó khăn trong việc kết bạn và tham gia vào hoạt động của nhóm, khó khăn trong việc nhận biết các tình huống giúp đỡ các bạn xung quanh. Vì vậy, trong thời gian tới chúng ta cần đẩy mạnh phát triển các kỹ năng giao tiếp, kết bạn giúp các thiếu niên chủ động, tự tin hơn trong quá trình giao tiếp, tương tác và thiết lập các mối quan hệ xã hội tiến tới hòa nhập.

**Bảng 3. Tổng hợp kết quả thực hiện kỹ năng kết bạn của các thiếu niên trước thực nghiệm**

Trường hợp	Kỹ năng kết bạn												ĐTB
	Chủ động đưa ra lời chào, giới thiệu bản thân			Thực hiện các bước kết bạn			Tham gia vào hoạt động của nhóm			Giúp đỡ các bạn			
	GV	CM	M	GV	CM	M	GV	CM	M	GV	CM	M	
Trường hợp 1	1	2	1,5	1	1	1	2	2	2	2	1	1,5	1,50
Trường hợp 2	2	2	2	1	2	1,5	1	2	1,5	2	2	2	1,75
Trường hợp 3	2	1	1,5	1	1	1	2	2	2	2	2	2	1,75
Trường hợp 4	2	2	2	1	1	1	2	2	2	1	2	1,5	1,50
Trường hợp 5	2	1	1,5	2	1	1,5	2	2	2	1	1	1	1,50

### 2.1.4. Các hoạt động giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ

Trên cơ sở các khó khăn cơ bản của thiếu niên RLPTK trong việc thực hiện KNKB: làm quen với bạn mới, tham gia vào các hoạt động của nhóm, giúp đỡ những người bạn xung quanh (Nguyen Hoai Thuong và cộng sự, 2021) [18]; đồng thời căn cứ vào các nguyên tắc khi thiết kế hoạt động. Chúng tôi tiến hành xây dựng 08 hoạt động dựa trên 4 nội dung chủ yếu: (1) Chủ động chào hỏi và giới thiệu bản thân với các bạn; (2) Thực hiện các bước trong KNKB; (3) Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động của nhóm; (4) Nhận biết các tình huống cần giúp đỡ và thực hiện giúp đỡ các bạn xung quanh. Mỗi nội dung được thiết kế 02 hoạt động tương ứng nhằm nâng cao khả năng vận dụng và khái quát kỹ năng của thiếu niên RLPTK. Các hoạt động nhằm triển khai từng nội dung được minh họa trong Bảng 4.

**Bảng 4. Danh sách các hoạt động giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ**

Nội dung	Hoạt động
Chủ động chào hỏi và giới thiệu bản thân với các bạn	Hoạt động 1: Cùng chào hỏi nhau
	Hoạt động 2: Sử dụng kịch bản đóng vai chào hỏi
Thực hiện các bước trong kỹ năng kết bạn	Hoạt động 3: Cùng kết bạn mới
	Hoạt động 4: Kết bạn thông qua tình huống thực tế
Vui vẻ, hào hứng tham gia vào các hoạt động của nhóm	Hoạt động 5: Trò chơi “Siêu bất ngờ”
	Hoạt động 6: Tiếp sức
Nhận biết các tình huống cần giúp đỡ và thực hiện giúp đỡ các bạn xung quanh	Hoạt động 7: Nhận biết các tình huống cần giúp đỡ
	Hoạt động 8: Giúp đỡ mọi người xung quanh

## 2.2. Kết quả khảo nghiệm, thực nghiệm và bình luận

### 2.2.1. Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết và tính khả thi của các hoạt động giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ

Chúng tôi tiến hành khảo sát 125 GV dạy thiếu niên RLPTK tại các cơ sở giáo dục và 101 CM trẻ RLPTK nhằm đánh giá mức độ tính cần thiết và tính hiệu quả của các hoạt động giáo dục KNKB. Kết quả được trình bày ở Bảng 5.

**Bảng 5. Kết quả khảo sát tính cần thiết của các hoạt động giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ**

Hoạt động	Mức độ khả thi						M	SD	Thứ bậc
	Rất cần thiết		Cần thiết		Không cần thiết				
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)			
Hoạt động 1	203	89,8	23	10,2	0	0	2,90	0,303	4
Hoạt động 2	171	75,7	50	22,1	5	2,2	2,73	0,490	8
Hoạt động 3	179	79,2	47	20,8	0	0	2,79	0,407	7
Hoạt động 4	195	86,3	31	13,7	0	0	2,86	0,345	5
Hoạt động 5	181	80,1	45	19,9	0	0	2,80	0,400	6
Hoạt động 6	219	96,9	7	3,1	0	0	2,97	0,174	2
Hoạt động 7	216	95,6	10	4,4	0	0	2,96	0,206	3
Hoạt động 8	221	97,8	5	2,2	0	0	2,98	0,147	1
<b>Tổng M =</b>		<b>87,7</b>		<b>12,1</b>		<b>0,3</b>	<b>2,87</b>	<b>0,309</b>	

Như vậy, phần lớn các GV và CM đều đánh giá các hoạt động giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK có mức độ cần thiết rất cao ( $M = 2,98$ ). Điều này cho thấy các hoạt động đã đáp ứng đủ các yêu cầu và có thể thực hiện trong điều kiện của các cơ sở. Chia sẻ của thiếu niên N.T.N: “*Con cảm thấy rất vui khi tham gia hoạt động cùng các bạn, dễ hiểu và làm theo*”.

**Bảng 6. Kết quả khảo sát tính hiệu quả của các hoạt động giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ**

Hoạt động	Mức độ khả thi						M	SD	Thứ bậc
	Rất hiệu quả		Hiệu quả thi		Không hiệu quả				
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)			
Hoạt động 1	217	96,0	9	4,0	0	0	2,96	0,196	<b>3</b>
Hoạt động 2	206	91,2	20	8,8	0	0	2,90	0,285	<b>7</b>
Hoạt động 3	190	84,1	36	15,9	0	0	2,84	0,367	<b>8</b>
Hoạt động 4	208	92,0	18	8,0	0	0	2,91	0,271	<b>6</b>
Hoạt động 5	209	92,5	17	7,5	0	0	2,92	0,264	<b>5</b>
Hoạt động 6	219	96,9	7	3,1	0	0	2,97	0,174	<b>2</b>
Hoạt động 7	218	96,5	8	3,5	0	0	2,95	0,185	<b>4</b>
Hoạt động 8	223	98,7	3	1,3	0	0	2,99	0,115	<b>1</b>
<b>Tổng M =</b>		<b>93,5</b>		<b>6,51</b>		<b>0</b>	<b>2,93</b>	<b>0,232</b>	

Các GV và CM đều đánh giá cao mức độ hiệu quả của các hoạt động giáo dục KNKB, trong đó hoạt động 8 được đánh giá cao nhất ( $M = 2,99$ ). Các hoạt động còn lại được đánh giá với mức độ cao và có điểm trung bình tương đương nhau, điều này cho thấy các hoạt động thiết kế tương đồng với nhau về mức độ hiệu quả, vì thế sẽ ảnh hưởng, tác động, hỗ trợ cho nhau trong quá trình giáo dục. Em K.Q.H chia sẻ: “*Con thích tham gia hoạt động cùng các bạn, rất vui, dễ làm và dễ ghi nhớ*”.

Nhằm mục đích đưa ra những đánh giá khách quan và làm rõ hơn về các hoạt động giáo dục cho thiếu niên RLPTK. Trong thực tế có nhiều hoạt động có tính cần thiết rất cao nhưng mang lại hiệu quả giáo dục thấp. Vì thế, chúng tôi tiến hành so sánh sự tương quan giữa tính cần thiết và tính hiệu quả của các hoạt động giáo dục để đưa ra những kết luận phù hợp về các hoạt động đã xây dựng.

**Bảng 7. Tương quan giữa tính khả thi và tính hiệu quả của các hoạt động giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ**

Hoạt động	Tính cần thiết		Tính hiệu quả		di	di <sup>2</sup>
	X	Thứ bậc	Y	Thứ bậc		
Hoạt động 1	2,90	4	2,96	3	1	1
Hoạt động 2	2,73	8	2,90	7	1	1
Hoạt động 3	2,79	7	2,84	8	-1	1
Hoạt động 4	2,86	5	2,91	6	-1	1
Hoạt động 5	2,80	6	2,92	5	1	1
Hoạt động 6	2,97	2	2,97	2	0	0
Hoạt động 7	2,96	3	2,95	4	-1	1
Hoạt động 8	2,98	1	2,99	1	0	0

Để làm rõ hơn tương quan giữa tính cần thiết và tính hiệu quả của các biện pháp được đề xuất, tác giả đã sử dụng công thức tính hệ số tương quan Spearman (Rs) để xem xét tương quan

$$R_s = 1 - \frac{6 \cdot \sum d_i^2}{n(n^2 - 1)}$$

Rs là hệ số tương quan giữa tính cần thiết và tính hiệu quả ( $-1 \leq R_s \leq 1$ ), trong đó (1)  $R_s > 0$ : Tương quan giữa tính cần thiết và tính hiệu quả là quan hệ đồng biến, nghĩa là hoạt động xây dựng vừa có tính cần thiết, vừa có tính hiệu quả;  $R_s < 0$ : Quan hệ giữa tính cần thiết và tính hiệu quả là quan hệ nghịch biến, nghĩa là các hoạt động xây dựng có mức cần thiết nhưng không hiệu quả và ngược lại. Rs càng gần xa giá trị 1 thì quan hệ giữa tính cần thiết và tính hiệu quả càng chặt; Rs càng xa giá trị 1 (gần về 0) thì quan hệ giữa mức cần thiết và tính hiệu quả càng ít; (2) đi: Hiệu giữa các cặp hạng; (3) n: Tổng số cặp hạng so sánh.

Từ số liệu thu thập được chúng tôi thay vào công thức Spearman (Rs) được kết quả:

$$R_s = 1 - \frac{6 \cdot (1+1+1+1+0+1+0)}{8 \cdot (8^2 - 1)}$$

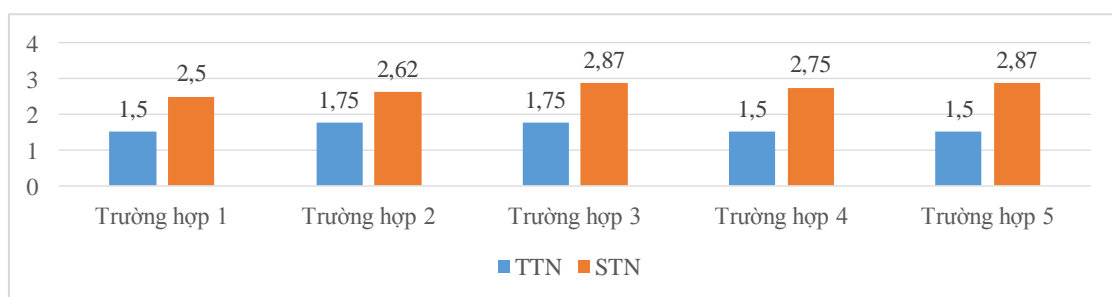
$$R_s = 1 - \frac{24}{504}$$

$$R_s = 0,953$$

Như vậy, với hệ số tương quan  $R_s = 0,953$  chúng ta thấy rằng các hoạt động giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK có mối tương quan chặt chẽ giữa tính cần thiết và tính hiệu quả. Các hoạt động xây dựng có tính cần thiết cao, tổ chức phổ biến ở các cơ sở và mang lại hiệu quả tích cực trong quá trình giáo dục. Chính vì vậy, GV và CM cần linh hoạt, phối hợp đa dạng các hoạt động giáo dục để mang lại kết quả tốt nhất.

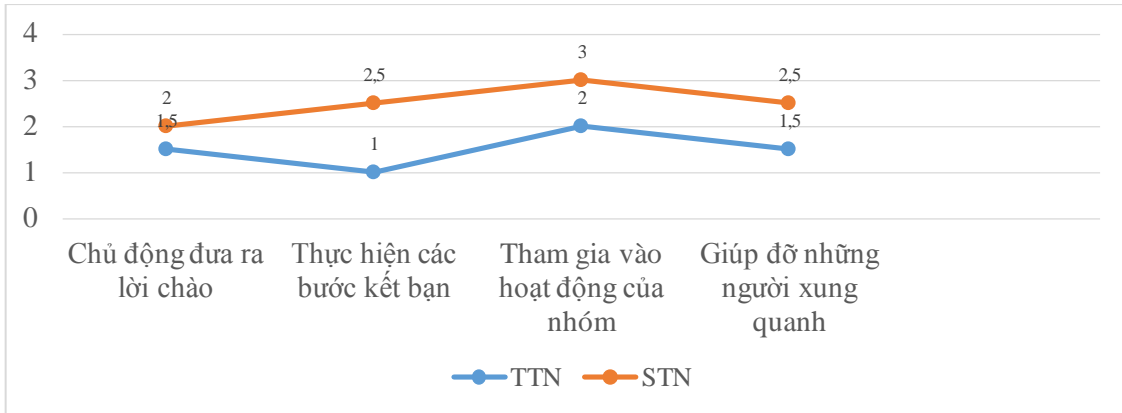
### 2.2.2. Kết quả thực nghiệm

Sau 6 tháng tiến hành thực nghiệm các hoạt động giáo dục KNKB, 05 trường hợp thiếu niên RLPTK đã có những tiến bộ đáng kể trong việc thực hiện KNKB, cụ thể như sau:



**Hình 1. So sánh kết quả mức độ thực hiện kỹ năng kết bạn của nhóm 05 thiếu niên rối loạn phổ tự kỉ trước và sau thực nghiệm**

**Trường hợp 1:** STN em đã có nhiều tiến bộ trên các mục tiêu, nội dung thực hiện: H có thể chủ động đưa ra lời chào khi gặp người mới và đưa ra một số câu hỏi làm quen với người đối diện: tên, sở thích, đang làm gì... Tuy nhiên trong khi giao tiếp, em còn rập khuôn, cứng nhắc khi thực hiện các mẫu giao tiếp, chưa linh hoạt trong các quá trình xử lý tình huống. Hào hứng và nghiêm túc khi thực hiện các nhiệm vụ của bản thân. Trong một số tình huống do quá thích thú với đồ chơi và hoạt động nên em gặp khó khăn trong việc chờ đợi theo lượt. H đã thực hiện nhiệm vụ một cách nghiêm túc, tuy nhiên do mức độ nhận thức và tập trung chú ý chưa cao nên em cần sự trợ giúp của mọi người xung quanh.



**Hình 2. So sánh kết quả mức độ thực hiện kỹ năng kết bạn của trường hợp 1 trước và sau thực nghiệm**

**Bảng 8. Thống kê các mẫu được kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 1**

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	TTN	1,5000	4	,40825	,20412
	STN	2,5000	4	,40825	,20412

Qua bảng số liệu trên, chúng ta thấy rằng, điểm trung bình M trước TN = 1,50 và STN có M= 2,50. Như vậy, H có sự tiến bộ rõ rệt trước và STN.

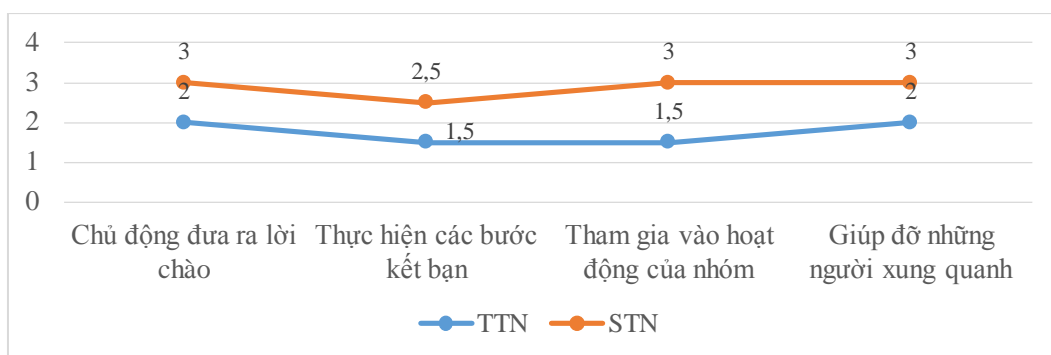
**Bảng 9. Thống kê kết quả kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 1**

		Paired Differences				t	df	Sig.(2-tailed)	
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower				Upper
Pair 1	TTN - STN	-1,00000	,40825	,20412	-1,64961	-,35039	-4,899	3	,016

Như vậy, ta có giá trị Sig = 0,016 < 0,05 (giá trị Ho giả định), có sự khác biệt trung bình các KNKB của TH1 trước và sau thực nghiệm.

**Trường hợp 2:** STN em đã có nhiều tiến bộ trên các mục tiêu, nội dung thực hiện KNKB: Có thể chủ động đưa ra lời chào khi gặp người mới và đưa ra một số câu hỏi làm quen với người đối diện, khó khăn trong việc linh hoạt xử lý các tình huống. Quan tâm tới lời khen của mọi người đối với mình, vui vẻ và thích thú đối với lời khen của mọi người xung quanh. Rất hào hứng và nhiệt tình tham gia vào các hoạt động của nhóm, đã có thái độ nghiêm túc khi thực hiện các nhiệm vụ của bản thân. Phần nào hiểu được một số tình huống cần giúp đỡ, tích cực giúp đỡ những người xung quanh. Tuy nhiên mức độ chủ động chưa thường xuyên, cần cô giáo và các bạn nhắc nhở.





Hình 3. So sánh kết quả mức độ thực hiện kỹ năng kết bạn của trường hợp 2 trước và sau thực nghiệm

Bảng 10. Thống kê các mẫu được kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 2

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	TTN	1,7500	4	,28868	,14434
	STN	2,8750	4	,25000	,12500

Điểm trung bình M trước thực nghiệm = 1,75 và STN có M = 2,87. Như vậy, T có sự tiến bộ rõ rệt trước và STN.

Bảng 11. Thống kê kết quả kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 2

		Paired differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	TTN - STN	-1,12500	,25000	,12500	-1,52281	-,72719	-9,000	3	,003

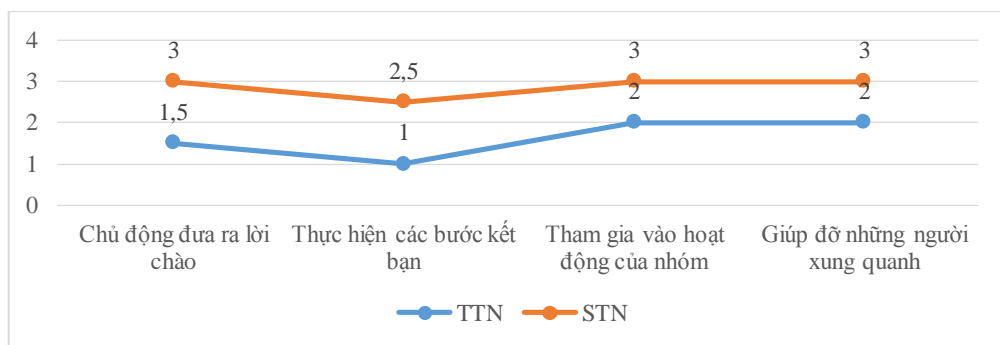
Như vậy, ta có giá trị Sig = 0,003 < 0,03 (giá trị Ho giả định), có sự khác biệt các KNKB của TH2 trước và sau thực nghiệm.

**Trường hợp 3:** STN em đã có nhiều tiến bộ: Đây là một trong những kỹ năng có nhiều tiến bộ trong quá trình thực nghiệm. Khi gặp cô, em đã chủ động tiến lại gần và nói lời chào. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, mức độ tập trung chú ý của em chưa cao vì thế chưa quan sát được có sự xuất hiện của giáo viên và mọi người xung quanh; cần các bạn hỗ trợ nhắc nhở để thực hiện kỹ năng. Em rất hào hứng khi tham gia hoạt động nhóm, chơi trò chơi với các bạn. Em có mức độ tham gia, thực hiện nhiệm vụ của em rất tích cực thỉnh thoảng gặp khó khăn khi tham gia hoạt động với các bạn khi cần phải chờ đợi quá lâu. Em đã tham gia thực hiện nhiệm vụ một cách chủ động, ít khi để cô hoặc các bạn hỗ trợ hay nhắc nhở mới thực hiện kỹ năng.

Bảng 12. Thống kê các mẫu được kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 3

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	TTN	1,6250	4	,47871	,23936
	STN	2,8750	4	,25000	,12500

Điểm trung bình M trước TN = 1,62 và STN có M = 2,88 Như vậy, em có sự tiến bộ rõ rệt trước và STN.



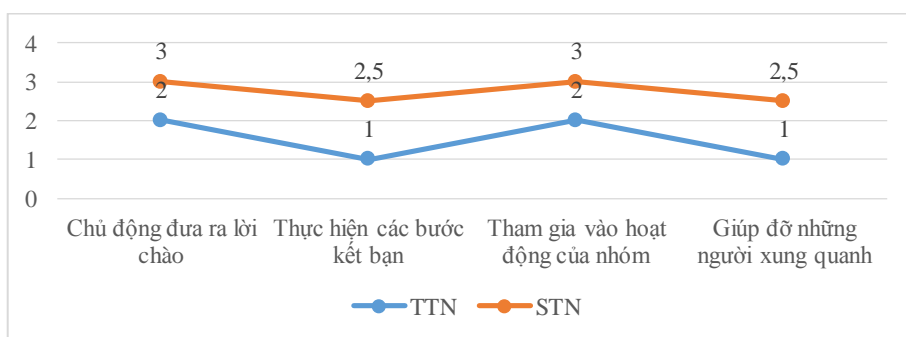
**Hình 4. So sánh kết quả mức độ thực hiện kỹ năng kết bạn của trường hợp 3 trước và sau thực nghiệm**

**Bảng 13. Thống kê kết quả kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 3**

Pair 1	TTN - STN	Paired Differences				t	df	Sig.(2-tailed)	
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower				Upper
		-1,12500	,28868	,14434	-1,70935	-,79065	-8,660	3	,003

Như vậy, ta có giá trị Sig = 0,003 < 0,05 (giá trị Ho giả định), có sự khác biệt các KNKB của TH3 trước và sau thực nghiệm.

**Trường hợp 4:** STN em đã có nhiều tiến bộ: Em đã chủ động đưa lời chào khi gặp các bạn hoặc cô giao, đây là sự thay đổi rất lớn của em. Biết vận dụng và phối hợp thực hiện các hoạt động cùng các bạn trong nhóm. Chủ động đưa ra ý kiến của bản thân để giúp nhóm hoàn thành nhiệm vụ đưa ra tốt hơn. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, em còn chưa mạnh dạn và mất tập trung trong quá trình thực hiện nhiệm vụ cần cô và các bạn nhắc nhở. Thông qua các tình huống cụ thể, em đã nhận ra và hiểu được kiến thức nhưng chưa vận dụng linh hoạt vào các tình huống thực tế.



**Hình 5. So sánh kết quả mức độ thực hiện kỹ năng kết bạn của trường hợp 4 trước và sau thực nghiệm**

**Bảng 14. Thống kê các mẫu được kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 4**

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	TTN	1,5000	4	,57735	,28868
	STN	2,7500	4	,28868	,14434

*Xây dựng các hoạt động giáo dục kỹ năng kết bạn cho thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ*

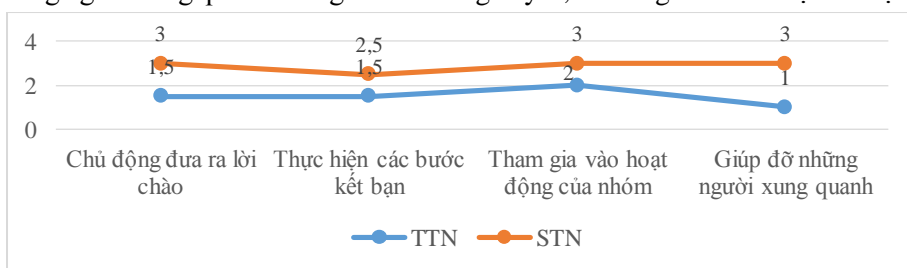
Điểm trung bình M trước TN = 1,50 và STN có M = 2,75. Như vậy, em có sự tiến bộ rõ rệt trước và STN.

**Bảng 15. Thống kê kết quả kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 4**

		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	TTN - STN	-1,25000	,28868	,14434	-1,70935	-,79065	-8,660	3	,003

Như vậy, ta có giá trị Sig. = 0,003 < 0,05 (giá trị Ho giả định), có sự khác biệt các KNKB của TH4 trước và STN.

**Trường hợp 5:** STN em đã có nhiều tiến bộ: Đây là một trong những kỹ năng có nhiều tiến bộ trong quá trình thực nghiệm. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, mức độ tập trung chú ý của em chưa cao vì thế chưa quan sát được có sự xuất hiện của giáo viên và mọi người xung quanh; cần các bạn hỗ trợ nhắc nhở để thực hiện kỹ năng. Hào hứng tham gia hoạt động nhóm, chơi trò chơi với các bạn nhưng mức độ thực hiện nhiệm vụ chưa chủ động, thỉnh thoảng gặp khó khăn, cần sự hỗ trợ từ cô. Phần nào hiểu được một số tình huống cần giúp đỡ từ đó tích cực giúp đỡ những người xung quanh nhưng chưa thường xuyên, cần cô giáo và các bạn hỗ trợ nhắc nhở.



**Hình 6. So sánh kết quả mức độ thực hiện kỹ năng kết bạn của trường hợp 5 trước và sau thực nghiệm**

**Bảng 16. Thống kê các mẫu được kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 5**

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	TTN	1,5000	4	,40825	,20412
	STN	2,8750	4	,25000	,12500

Điểm trung bình M trước TN = 1,75 và STN có M = 2,875. Như vậy, em có sự tiến bộ rõ rệt trước và STN.

**Bảng 17. Thống kê kết quả kiểm định 4 nội dung kỹ năng kết bạn của trường hợp 5**

		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	TTN - STN	-1,37500	,47871	,23936	-2,13674	-,61326	-5,745	3	,010

Như vậy, ta có giá trị Sig. = 0,010 < 0,05 (giá trị Ho giả định), có sự khác biệt các KNKB của TH5 trước và STN.

Tóm lại, cả 5 trường hợp có sự thay đổi đáng kể khi tham gia 8 hoạt động giáo dục KNKB. Mục tiêu, nội dung giáo dục là giống nhau nhưng sự tiến bộ của mỗi thiếu niên RLPTK không giống nhau. Nguyên nhân chủ yếu do mức độ nhận thức của các thiếu niên khác nhau, quá trình phối hợp giữa gia đình và nhà trường có sự khác nhau, vì vậy kết quả đem lại có những khác nhau.

### 3. Kết luận

RLPTK gặp rất nhiều khó khăn trong KNKB, đặc biệt ở giai đoạn thiếu niên khi mối quan hệ bạn đồng trang lứa đóng vai trò vô cùng quan trọng, giúp các em giao tiếp phù hợp với các đối tượng, hợp tác thực hiện nhiệm vụ một cách hiệu quả và thiết lập các mối quan hệ xã hội. Cần xây dựng nhiều hơn nữa nội dung hoạt động, cách thức tổ chức giáo dục các kỹ năng xã hội khác cho thiếu niên RLPTK. Thống nhất chặt chẽ trong việc vận dụng mục tiêu, hình thức, cách thức tổ chức hoạt động giáo dục sao cho đạt hiệu quả cao nhất và giúp trẻ vận dụng, khái quát hóa kỹ năng vào các tình huống khác nhau. Các hoạt động giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK có mối tương quan chặt chẽ về tính khả thi và tính hiệu quả với  $R_s = 0,953$ . Các lượng trong nhà trường và gia đình cần vận dụng linh hoạt, thường xuyên, phối kết hợp các hoạt động nhằm mang lại chuyển biến tích cực trong quá trình giáo dục KNKB cho thiếu niên RLPTK, giúp các em tự tin, chủ động giao tiếp, chào hỏi, giúp đỡ các bạn và thiết lập mối quan hệ góp phần tiến tới hòa nhập xã hội. Thực nghiệm tác động 08 hoạt động trong giờ cá nhân và giờ nhóm đã giúp các em đạt được những KNKB nhất định. Kết quả cho thấy các hoạt động giáo dục KNKB mang lại ý nghĩa tích cực cho thiếu niên RLPTK, điểm trung bình trước và sau thực nghiệm từ  $M = 1,5$  lên  $M = 2,75$ .

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Myles, B. S. Social skills training for children and adolescents with Asperger syndrome and social-communication problems. *Autism Asperger Publishing Company*, 2003. 30(2), pp. 275-289.
- [2] Bellini, S., Peters, J. K., Benner, L., & Hopf, A. A meta-analysis of school-based social skills interventions for children with autism spectrum disorders. *Remedial and Special Education*, 2007, 28(3), pp. 153-162.
- [3] Kasari, C., Rotheram-Fuller, E., Locke, J., & Gulsrud, A. Making the connection: Randomized controlled trial of social skills at school for children with autism spectrum disorders. *Journal of Child Psychology and Psychiatr*, 2012, 53(4), pp. 431-439.
- [4] White, S. W., Keonig, K., & Scahill, L. Social skills development in children with autism spectrum disorders: A review of the intervention research. *Journal of autism and developmental disorders* 2007, 37(10), pp. 1858-1868.
- [5] Association, A. P. *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders*, Fifth Edition. Washington D.C., 2013.
- [6] Bellini, S. Social skill deficits and anxiety in high-functioning adolescents with autism spectrum disorders. *Focus on autism and other developmental disabilities*, 2004. 19(2), pp. 78-86.
- [7] Macintosh, K., & Dissanayake, C. Social skills and problem behaviours in school aged children with high-functioning autism and Asperger's disorder. *Journal of autism and developmental disorders*, 2006 36(8), pp. 1065-1076.
- [8] Laugeson, E. A., Ellingsen, R., Sanderson, J., Tucci, L., & Bates, S. The ABC's of teaching social skills to adolescents with autism spectrum disorder in the classroom:

- The UCLA PEERS® program. *Journal of autism and developmental disorders*, 2014. 44(9), pp. 2244-2256.
- [9] Mandelberg, J., Laugeson, E. A., Cunningham, T. D., Ellingsen, R., Bates, S., & Frankel, F. Long-term treatment outcomes for parent-assisted social skills training for adolescents with autism spectrum disorders: The UCLA PEERS program. *Journal of Mental Health Research in Intellectual Disabilities*, 2014, 7(1), pp. 45-73.
- [10] Schohl, K. A., Van Hecke, A. V., Carson, A. M., Dolan, B., Karst, J., & Stevens, S. A replication and extension of the PEERS intervention: Examining effects on social skills and social anxiety in adolescents with autism spectrum disorders. *Journal of autism and developmental disorders*, 2014. 44(3), pp. 532-545
- [11] Shattuck, P., Krauss, M. W., Orsmond, G., & Murphy, M. M. Psychological well-being and coping in mothers of youths with autism, down syndrome, or fragile X syndrome. *American Journal on Mental Retardation*, 2004, 109(3), pp. 237-254.
- [12] Elizabeth A. Laugeson, Fred Frankel, Catherine Mogil and Ashley R. Dillon. Parent Assisted Social Skills Training to Improve Friendships in Teens with Autism Spectrum Disorders. *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 2009. 39 (4): 596 DOI: 10.1007/s10803-008-0664-5.
- [13] Đỗ Thị Thảo, Nguyễn Hoài Thương, Thân Thị Loan, Nguyễn Thị Hiền, 2021. *Biện pháp giáo dục kỹ năng hợp tác cho thiếu niên RLPTK trong môi trường hòa nhập*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế “Can thiệp sớm - hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật phát triển”. NXB Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh, 2021, ISBN: 9786043091496, trang 147-159.
- [14] Susan Williams White. Social Skills Training for Children with Asperger Syndrome and High-Functioning Autism. *Guilford Press*, 2011. ISBN. 1609182111, 9781609182113.
- [15] Sosnowy, C., Silverman, C., Shattuck, P., & Garfield, T. Setbacks and successes, 2019. How young adults on the autism spectrum seek friendship. *Autism in Adulthood*. 1(1), pp. 44-51.
- [16] Kern, P., 2004. Making friends in music: Including children with autism in an interactive play setting. *Guidelines Article Formatting*, 563.
- [17] Do Thi Thao, 2016. Making video modelling in behavior skills training for children with mild ASD when communicating with teachers and peers in inclusive preschool. *Journal of Science, Hanoi Pedagogical University*, No. 8, p. 148-158.
- [18] Nguyen Hoai Thuong, Do Thi Thao, Nguyen Thi Hoa, Le Thi Hien, 2021. Teaching Friendship Skills to Adolescents with Autism Spectrum Disorder: Current Situation and Lessons. *American Journal of Educational Research*, 9 (4), 235-242.
- [19] Afsharnejad, B., Falkmer, M., Black, M. H., Alach, T., Lenhard, F., Fridell, A., & Girdler, S. KONTAKT®, 2021. Social skills group training for Australian adolescents with autism spectrum disorder: a randomized controlled trial. *European Child & Adolescent Psychiatry*, pp. 1-19.
- [20] Bambara, L. M., Cole, C. L., Chovanes, J., Telesford, A., Thomas, A., Tsai, S. C., & Bilgili, I. Improving the assertive conversational skills of adolescents with autism spectrum disorder in a natural context. *Research in Autism Spectrum Disorders*, 2018. 48, pp. 1-16.
- [21] Boutot, E. A., 2007. Fitting in: Tips for promoting acceptance and friendships for students with autism spectrum disorders in inclusive classrooms. *Intervention in School and Clinic*, 42(3), 156-161.
- [22] Cappadocia, M. C., 2011. Review of social skills training groups for youth with Asperger syndrome and high functioning autism. *Research in Autism Spectrum Disorders*, 5(1), pp. 70-78.

**ABSTRACT**

**Building educational activities make friend skills for adolescents  
with autism spectrum disorder**

Nguyen Hoai Thuong, Do Thi Thao, Dinh Nguyen Trang Thu and Le Thi Hien  
*Faculty of Special Education, Hanoi National University of Education*

Children with autism spectrum disorder (ASD) are characterized by defects in communication, social interaction and stereotyped behavior. This has greatly affected the ability to establish social relationships, including making friends, maintaining friendships and socializing. The outcomes of building and experimenting with 08 activities are published in this article (Greeting each other; Using the greeting role-playing scenario; Making new friends together; Making friends through real situations; The game "Super surprise"; Resilience; Recognizing situations in need of help; Helping people around). The experimental was conducted for 80 hours individually class and 144 hours in the group class on five adolescents diagnosed with ASD (01 moderate, 03 mild, and 01 high functioning). The experimental results show that the average score improvements of the skill performance level in the cases increase from  $M = 1.5$  to  $M = 2.87$ . With a correlation coefficient of  $R_s = 0.953$ , the feasibility and effectiveness of educational activities are significantly associated. This result affirms that educational activities are built with practicality, applicability in educational institutions and positive outcomes in educating adolescents with ASD.

**Keywords:** adolescents with autism spectrum disorder, building educational activities, making friends.